

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyệt,

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 27-4-2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 01-12-2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐXX-ST ngày 30-3-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khúc Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ: V 1, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1980; nơi ĐKNKTT: Tổ 7 phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ĐKTT: Ngõ 309 L, Tổ 14, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) ngày 08-11-2017 và bản tự trình bày ngày 07-12-2017, nguyên đơn là chị Khúc Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Trung H trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 20-03-2013 (Số: 20-2013; quyển số: 01/2013). Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Hai bên gia đình đã

khuyến bảo nhiều nH không có kết quả, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014. Chị M nhận nuôi cháu H và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 04 triệu đồng.

Tài sản chung và công nợ, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự trình bày ngày 28-03-2018, chị M thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị M nêu lý do thay đổi yêu cầu là vì thu nhập hàng tháng của chị khoảng 15 triệu đồng nên chị đủ khả năng để nuôi con chung trong điều kiện tốt nhất.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nH bị đơn là anh Nguyễn Trung H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có lý do. Tuy nhiên anh H có bản tự trình bày vào ngày 12-02-2018 thể hiện ý kiến, nội dung: Anh H thống nhất với chị M trong lời trình bày về điều kiện, thời điểm, địa điểm đăng ký kết hôn. Anh H cũng xác định do mâu thuẫn giữa anh và chị M đã quá căng thẳng, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị M. Anh H cũng trình bày có 01 con chung là Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014, anh H đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và nhận trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng. Tài sản chung và công nợ anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác M ngày 27-02-2018, đại diện gia đình của anh H cung cấp thông tin về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh H đã rất căng thẳng và kéo dài nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H và nhận trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M nêu lý do thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là vì chị cho rằng anh H tH trách nhiệm trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Về Tài sản chung và công nợ chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trung H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp và

thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác M, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng với quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức trực tiếp và niêm yết công khai theo đúng với quy định tại Điều 173 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện theo đúng quy định tại các điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khúc Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Trung H. Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014 cho chị Khúc Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị M không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tài sản chung và công nợ: Các đương sự đều không đề nghị nên không xem xét.

Về án phí: Chị Khúc Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Khúc Thị M có đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) với anh Nguyễn Trung H và đề nghị được nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Trung H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Tổ 7, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng đăng ký tạm trú tại: Ngõ 308 đường L, Tổ 14, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng và thường xuyên ăn ở, sinh hoạt tại đây. Anh H là bị đơn trong vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K tiến hành thụ lý vụ án vào ngày 01-12-2017 và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào 30-3-2018 là đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án anh H đã có Bản tự trình bày để thể hiện ý kiến của mình về việc khởi kiện của chị M. Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nH anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nH anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trong bản tự khai, biên bản xác M, biên bản ghi lời khai, bản tự trình bày và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đều thể hiện nội dung chị Khúc Thị M xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Trung H trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 20-03-2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vợ chồng chị M và anh H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, tH tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều nH không có kết quả, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống, sinh hoạt.

Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án anh H đã có Bản tự trình bày để thể hiện ý kiến của mình về việc khởi kiện của chị M, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị M. Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nH anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nH anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh H. Như vậy có thể thấy rằng giữa chị M và anh H không còn yêu thương, quý trọng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị M được ly hôn anh H.

[2] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014. Tại phiên tòa, chị M vẫn nhận trực tiếp nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị M là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở nên cần được chấp nhận. Do vậy để đảm bảo về lợi ích, tâm lý, nguyện vọng và mọi mặt khác của con nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014 cho chị Khúc Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Khúc Thị M và anh Nguyễn Trung H.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Bảo H sinh ngày 28-3-2014 cho chị Khúc Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị Khúc Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Trung H cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Khúc Thị M và anh Nguyễn Trung H đều không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Khúc Thị M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010434 ngày 30-11-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Khúc Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Khúc Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Trung H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. T, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

